

ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN BẮC BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
TỈNH THANH HÓA

Số: NNHN-02/15h55/THOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 7 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
LƯU VỰC SÔNG MÃ TỈNH THANH HÓA**

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua (từ ngày 01-07/7).

- **Tổng lượng mưa:** Từ 50-140mm, lớn hơn TBNN

- **Tổng lượng nước mặt :**

Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trung bình trên các sông tăng so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Mường Lát là 360 triệu m³ cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 294%, tại Cẩm Thủy là 601 triệu m³ cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 153%; trên sông Chu tại Cửa Đạt là 52.3 triệu m³ thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 51%.

b. Dự báo, cảnh báo (từ ngày 08-14/7)

- **Tổng lượng mưa :** 60 - 100mm, lớn hơn TBNN từ 5 - 10%.

- **Tổng lượng nước mặt:**

Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Mường Lát có khả năng cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 246%, tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 109%; trên sông Chu tại Cửa Đạt có khả năng thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 30%.

Cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước: Ít có khả năng xảy ra thiếu hụt nguồn nước

Thời gian phát bản tin tiếp theo: 15h55 ngày 15/7/2025

Tin phát lúc: 15h55

Dự báo viên: Bùi Xuân Tuyên
Nguyễn Thị Hoa

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Minh

II. Phụ lục

Phụ lục 1: Tổng lượng mưa dự báo 08/7 - 14/7/2025

Đơn vị: mm

Lưu vực	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo từ ngày 08/7 đến ngày 14/7/2025								
			Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Sông Mã			6.4	4.1	19.7	39.5	20.1	8.2	9.3	107.3	>10
Sông Chu			9.2	6.2	15.7	32.1	15.0	2.0	5.2	85.4	>5

Phụ lục 2 Tổng lượng nước dự báo 08/7 - 14/7/2025

Đơn vị: triệu m3

Sông	Trạm	Thực đo 07 ngày qua	So sánh TBNN (%)	từ ngày 08/7 đến ngày 14/7/2025								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Mã	Mường Lát	360.0	> 294	51.84	49.2	48.4	47.5	46.7	44.9	45.36	333.9	> 246
	Cầm Thủy	600.6	> 153	68.3	71.9	80.7	73.4	77.1	74.2	68.3	513.9	> 91
Chu	Cửa Đạt	52.3	< 51	7.3	6.9	7.1	7.2	7.4	7.3	7.4	50.6	< 30